

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang (lần 2)

Sở Tư pháp nhận được Công văn 4427/SNNMT-CCBVMT ngày 05/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị thẩm định văn bản QPPL dự thảo Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang (lần 2), Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 quy định việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 quy định về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Căn cứ quy định tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc áp dụng quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, quyết định áp dụng Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ; quyết định áp dụng Quyết định số

05/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang (cũ) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 53; khoản 6 Điều 62; khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường:

**“Điều 53. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.

**Điều 62. Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người**

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện của địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn.

**Điều 64. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng**

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

**Điều 72. Yêu cầu về quản lý chất thải**

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

**Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt**

6. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 77. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

Khoản 22, khoản 23, khoản 25 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường quy định:

“22. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 72 như sau:

“7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.”.

25. Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 81 như sau:

“c) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 83 như sau:

“3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

Khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023 quy định:

“7. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15 như sau:

“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.”.

Khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định:

**Điều 64. Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa**

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trờ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn.

**Điều 70. Xử lý chất thải nguy hại**

4. Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đặt trong khuôn viên để thực hiện việc tự xử lý và xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế lân cận (mô hình cụm) theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không được coi là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại. Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế lân cận để xử lý theo mô hình cụm được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

**“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND) là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

## **II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

a) Khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15, bao gồm: Lộ trình thực hiện đối với cơ sở đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường (khoản 6 Điều 53); thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế (khoản 6 Điều 62); thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng (khoản 8 Điều 64); quản lý chất thải (khoản 7 Điều 72); phân loại chất thải sinh hoạt (khoản 2 Điều 75); phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh (khoản 6 Điều 75); tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (khoản 4 Điều 77); quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn và lộ trình thực hiện phân loại chất

*thải rắn sinh hoạt (khoản 6, khoản 7 Điều 79); tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường (điểm c khoản 5 Điều 81); tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải nguy hại (khoản 3 Điều 83).”.*

Một số quy định tại Luật Bảo vệ môi trường không được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường như: khoản 6 Điều 53; 6 Điều 62; khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 75. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh theo hướng liệt kê nội dung quy định chi tiết tại Luật Bảo vệ môi trường, nội dung giao quy định chi tiết tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

b) Điều 2 dự thảo quy định:

**“Điều 2. Đối tượng áp dụng**

*Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh An Giang.”.*

Đề nghị bỏ từ “các” vì thừa, đồng thời, rà soát cụm từ “có hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường” tại Điều 2 dự thảo cho thống nhất với phạm vi điều chỉnh và tên gọi của dự thảo Quy định

**III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

a) Căn cứ ban hành dự thảo Quyết định, đề nghị bỏ ngày tháng năm ban hành văn bản tại căn cứ thứ tư, thứ năm và thứ sáu.

b) Đề xuất điều chỉnh bố cục của Điều 2 dự thảo Quyết định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

*1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày      tháng      năm 2026.*

*2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:*

*a) Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.*

*b) Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.*

*c) Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.”.*

**IV. DỰ THẢO QUY ĐỊNH**

1. Điều 3 dự thảo quy định:

**“Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Phân loại chất thải rắn công kênh** là hoạt động tháo dỡ, thu gom, giảm kích thước, thể tích chất thải rắn công kênh và tách riêng các loại nguyên vật liệu có khả năng tái chế, tái sử dụng với phần còn lại cần thải bỏ.

2. **Cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh** là tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt hoặc chất thải rắn công kênh.

3. **Điểm tập kết chất thải rắn công kênh** là điểm tiếp nhận chất thải rắn công kênh được chính quyền địa phương quy định và công bố.”

Tuy nhiên, qua rà soát các từ ngữ này không được sử dụng tại dự thảo. Đồng thời, điểm a khoản 2 Điều 13 dự thảo quy định:

“2. Vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh

a) *Chất thải rắn công kênh sau khi tháo dỡ, giảm kích thước được vận chuyển và xử lý như chất thải rắn sinh hoạt;*”.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết giải thích các từ ngữ này tại dự thảo Quy định.

2. Đề nghị viện dẫn cụ thể nội dung được giao quy định chi tiết tại tên các điều có nội dung quy chi tiết tại dự thảo Quy định.

3. Điều 4 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo: “...*việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tiên tiến tốt nhất hiện có trên đất nước Việt Nam*” hay “...*áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất*” cho phù hợp, vì Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có quy định về việc áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất. Nội dung này thuộc trách nhiệm tham mưu quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn do cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm giải trình, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp.

4. Điều 5 dự thảo quy định:

**“Điều 5. Thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải y tế thông thường**

*Việc thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải y tế thông thường thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường; khoản 1 Điều 42 và Mục 3 Chương IV của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 12 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.”*

Đề nghị bỏ ngày tháng năm ban hành của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT, đồng thời viện dẫn cụ thể điều khoản có liên quan để đảm bảo quy định tại dự thảo cụ thể, dễ áp dụng.

5. Khoản 2 Điều 7 dự thảo quy định:

“2. Cơ sở xử lý theo mô hình cụm được phép hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định để xử lý những thành phần chất thải y tế khác mà cơ sở không có khả năng xử lý theo quy định.”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cơ sở đề quy định nội dung trên. Vì điểm b khoản 4 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định:

“4. Chất thải y tế nguy hại được xử lý theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Xử lý tại cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có hạng mục xử lý chất thải y tế;

b) Xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm);”.

6. Điều 8, Điều 9 dự thảo

a) Khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thuyết minh thêm việc thực hiện “quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng” trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường thực hiện như thế nào, vì khoản 4 Điều 8 dự thảo sử dụng cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận đổ thải”.

b) Rà soát cụm từ “đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển” tại khoản 5 Điều 8 dự thảo cho rõ nghĩa, cụ thể, dễ áp dụng, đảm bảo tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đề nghị rà soát việc quy định cụm từ “cơ sở xử lý phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt” để cụ thể, dễ áp dụng.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định cho phép “hoặc được phép lưu chứa tạm tại các thửa đất ở thuộc quyền sử dụng nằm liền kề công trình đó.” có đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường hay không:

“7. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng **hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.”.

7. Điều 10 dự thảo quy định:

“**Điều 10. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. *Chất thải rắn sinh hoạt (sau đây viết tắt là CTRSH) được quản lý theo hướng tăng cường phân loại tại nguồn, tăng tỉ lệ thu gom và xử lý bằng công nghệ đốt đảm bảo an toàn về môi trường.*

Đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh cơ sở quy định việc tăng tỷ lệ thu gom và xử lý bằng công nghệ đốt.

#### 8. Điều 11 dự thảo

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định cụm từ “*CTRSH công kênh*” hay “*chất thải rắn công kênh*” cho phù hợp với quy định.

#### 9. Điều 12 dự thảo

a) Đề nghị rà soát việc viết tắt cụm từ “*CTNH*” vì chưa được giải thích tại dự thảo.

b) Đề nghị không viết hoa sau dấu hai chấm và dấu chấm phẩy. Đồng thời, rà soát sử dụng cụm từ “*đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định*” cho phù hợp với quy định, vì Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường quy định “*Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt*”.

c) Đề nghị bỏ ngày tháng năm ban hành văn bản tại khoản 7 Điều 12 dự thảo.

#### 10. Điều 13 dự thảo

a) Đề nghị rà soát việc sử dụng cụm từ “*chủ nguồn thải*” vì khoản 1 điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định:

“1. *Chủ nguồn thải là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải.*”

b) Rà soát sự trùng lặp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13 dự thảo:

“2. *Vận chuyển, xử lý chất thải rắn công kênh*

b) *Chất thải rắn công kênh được thu gom, vận chuyển từ nguồn thải đến điểm tập kết và đến điểm xử lý phải được vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển chuyên dụng hoặc bằng các phương tiện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;*

c) *Phương tiện vận chuyển chất thải công kênh phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo không rơi vãi chất thải, rò rỉ nước thải, phát tán mùi hôi trong quá trình vận chuyển;*”

Đồng thời, việc quy định như dự thảo có đảm bảo được yêu cầu cụ thể đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công kênh khi triển khai trong thực tiễn hay không.

c) Rà soát từ “*tháo dỡ*” tại dự thảo cho phù hợp.

11. Khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định:

***Điều 64. Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa***

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn.

***Điều 70. Xử lý chất thải nguy hại***

4. Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đặt trong khuôn viên để thực hiện việc tự xử lý và xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế lân cận (mô hình cụm) theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không được coi là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại. Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế lân cận để xử lý theo mô hình cụm được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát có tham mưu quy định các nội dung nêu trên tại dự thảo Quyết định hay không, vì phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định không quy định nội dung này.

## **V. TỜ TRÌNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

1. Đề nghị bổ sung cơ sở thực tiễn vào khoản 2 mục I dự thảo Tờ trình.

2. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo, ngoài việc thuyết minh trên cơ sở kế thừa quy định cũ, đề nghị thuyết minh cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn (phù hợp với tình hình thực tế của địa phương) vào cột thuyết minh nội dung dự thảo.

## **VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN**

1. Dự thảo Quyết định được chấp thuận xây dựng tại Công văn số 314/VP-KT ngày 08/01/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lấy ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan tại Công văn số 843/SNNMT-CCBVMT ngày 20/01/2026, Công văn số 1757/SNNMT-CCBVMT ngày 28/02/2026, Công văn số 4012/SNNMT-CCBVMT về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang. Cơ quan soạn thảo đã tổng hợp ý kiến

góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan tại Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

## **VII. KẾT LUẬN**

Dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục II, III, IV, V của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

**GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Tuấn Ngọc**